TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/HS-PT
Ngày 05 - 3 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Út
Các Thẩm phán: Ông Trịnh Xuân Miễn
Ông Nguyễn Trọng Quế

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Khả Khiêm, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:
Bà Lê Kiều Diễm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 08/2025/TLPT-HS ngày 22 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo Đặng Thanh T, do có kháng cáo của bị cáo Đặng Thanh T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 218/2024/HS-ST ngày 18 - 12 – 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Đặng Thanh T**, sinh ngày 20/10/1988; tại Cần Thơ; nơi cư trú: Khu V, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con Đặng Văn N và bà Nguyễn Thị T1; vợ: Phạm Thị Diễm E; con: 02 người; tiền án, tiền sự: Không; bị cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 05/9/2024 cho đến nay; (Bị cáo tại ngoại vắng mặt).

- Bị hại: Công ty Cổ phần D2; Địa chỉ trụ sở: Số D, đường X, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lương Duy H – Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hoài H1, sinh năm 1999; Địa chỉ: ấp A, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Cổ phần D2 (gọi tắt là Công ty) có trụ sở chính đặt tại địa chỉ: Số D, đường X, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, có Chi nhánh tại số B, đường N, khóm F, phường A, thành phố C, doanh nghiệp hoạt động bưu chính cung ứng dịch vụ *(Theo Giấy phép bưu chính số 310/GP-BTTTT ngày 02/8/2019 của Bộ T6 và Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh C cấp, đăng ký lần đầu ngày 16/01/2024).*

Ngày 21/11/2023, Công ty ký hợp đồng dịch vụ với Đặng Thanh T làm nhân viên nhiệm vụ giao hàng hóa ở địa bàn thành phố C, đồng thời cũng có trách nhiệm thu hộ tiền của người nhận hàng và nộp tiền về Công ty qua Chi nhánh tại Cà Mau trong vòng 24 giờ. Tiền công T được nhận theo sản phẩm, cộng dồn đơn đến cuối tháng và được lãnh tiền một lần trong tháng.

Ngày 13/12/2023, T được Công ty Cổ phần D2 giao 10 đơn hàng để giao cho khách hàng và thu hộ tiền về nộp lại cho Công ty. Sau khi nhận hàng, T thực hiện giao đến khách hàng và thu tiền, cụ thể gồm:

1. Đơn hàng tên Phan D, địa chỉ: Số A, đường C, phường E, thành phố C, giao bếp đa năng, thu số tiền: 2.750.500 đồng;

2. Đơn hàng tên Ngọc V, địa chỉ: Ấp T, xã L, thành phố C, giao chậu rửa chén inox, thu số tiền: 596.001 đồng;

3. Đơn hàng tên Lệ X, địa chỉ: Số B, đường P, khóm C, Phường B, thành phố C, giao kẽm nhung, thu số tiền: 3.381.990 đồng;

4. Đơn hàng tên Trần Bảo A, địa chỉ: Khu S, phường H, thành phố C, giao bộ S, thu số tiền: 1.783.010 đồng;

5. Đơn hàng tên Trương Thị Bích H2, địa chỉ: Công ty H4, Lý Văn L, thành phố C, giao khẩu trang, thu số tiền: 999.999 đồng;

6. Đơn hàng tên Trần Thị T2, địa chỉ: Số G, đường A, phường H, thành phố C, giao tả em bé, thu số tiền: 1.302.400 đồng;

7. Đơn hàng tên Thiên Â, địa chỉ: Số F, đường H, khóm H, phường G, thành phố C, giao ngũ cốc gà, thu số tiền: 600.000 đồng;

8. Đơn hàng tên Phạm Văn L1, địa chỉ: Số F, đường L, ấp C, xã Đ, thành phố C, giao khung ngói tường cổ, thu số tiền: 1.020.000 đồng;

9. Đơn hàng tên Chương Đ, địa chỉ: P, khóm C, phường E, thành phố C, giao hộp nhựa đựng đồ ăn, thu số tiền: 865.000 đồng;

10. Đơn hàng tên Lê Quang H3, đại chỉ: Số B, đường N, khóm H, phường H, thành phố C, giao sữa E1, thu số tiền: 1.877.500 đồng.

Tổng: 15.176.900 đồng.

Ngày 14 tháng 12 năm 2023, T được Công ty Cổ phần D2 giao 05 đơn hàng để giao cho khách hàng và thu hộ tiền về nộp lại cho Công ty. Sau khi nhận hàng, T thực hiện giao đến khách hàng và thu tiền, cụ thể gồm:

1. Đơn hàng tên Lý Chiến T3, địa chỉ: Số A, đường L, khóm H, phường H, thành phố C, giao cục đẩy công suất âm thanh, thu số tiền 6.000.000 đồng;

2. Đơn hàng tên Huỳnh Kim Đ1, địa chỉ: Số A, đường P, khóm E, phường B, thành phố C, giao đồ chơi trẻ em, thu số tiền 5.795.010 đồng;

3. Đơn hàng tên Lê Vĩnh P, địa chỉ: Số C, đường H, phường E, thành phố C, giao nồi điện, thu số tiền 1.818.770 đồng;

4. Đơn hàng tên Chị T4, địa chỉ: Số D, đường Đ, khóm E, phường E, thành phố C, giao quần áo trẻ em, thu số tiền 17.089.979 đồng;

5. Đơn hàng tên Kiều D1, địa chỉ: Số B, đường P, khóm F phường G, thành phố C, giao chậu trồng cây, thu số tiền 597.000 đồng;

Tổng: 31.300.759 đồng.

Quá trình điều tra, Đặng Thanh T thừa nhận: Ngày 13/12/2023, T đến Công ty nhận đơn hàng giao thành công cho 10 khách hàng, thu được số tiền 15.176.900 đồng, T không nộp về Công ty mà nộp vào tài khoản cá nhân 0967996547, mở tại Ngân hàng N1. Khoảng 08 giờ ngày 14/12/2023, T tiếp tục đến Công ty nhận đơn hàng và giao thành công cho 05 khách hàng, thu được số tiền 31.300.759 đồng, T không nộp về Công ty mà nộp vào tài khoản cá nhân số 0967996547 tại Ngân hàng N1.

T dùng toàn bộ số tiền trên để đánh bạc trực tuyến trên môi trường Internet bằng hình thức: Sử dụng điện thoại di động đăng ký, tải đường link về máy điện thoại, cài đặt phần mềm, sau đó đăng ký thông tin cá nhân trên trang Web123B.Com, liên kết tài khoản ngân hàng rồi tham gia đặt cược, nếu thắng cược sẽ được chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng, nếu thua cược sẽ bị trừ tiền trong tài khoản ngân hàng đã cung cấp. Khoảng 14 giờ ngày 14/12/2023, T báo cáo lại cho nhân viên quản lý đã chiếm đoạt tiền của Công ty 46.477.659 đồng. Kết quả xác minh thể hiện tài khoản dùng vào đánh bạc của T đã bị xóa, các tài khoản liên kết chuyển tiền các chủ tài khoản Ngân hàng xác định không mở tài khoản, không nhận tiền, không tham gia đánh bạc với T.

Ngày 01/4/2024, Đặng Thanh T nộp số tiền 23.000.000 đồng và ngày 12/9/2024 tiếp tục nộp 15.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho bị hại. Bị hại đã nhận tổng số tiền 38.000.000 đồng. Quá trình điều tra, T thành khẩn khai báo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

- Về trách nhiệm dân sự: Đại diện của Công ty yêu cầu Đặng Thanh T trả số tiền còn lại 8.477.659 đồng và xử lý T theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 218/2024/HS-ST ngày 18 - 12 – 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau quyết định:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự; Điều 48 của Bộ luật hình sự; Các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên bố bị cáo Đặng Thanh T phạm tội "Tham ô tài sản".

Xử phạt bị cáo Đặng Thanh T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 30/12/2024, bị cáo Đặng Thanh T kháng cáo xin giảm án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Đặng Thanh T vắng mặt không rõ lý do.

- Đại diện bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo; sửa Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau; giảm từ 03 – 06 tháng tù cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị cáo được Tòa án triệu tập tham dự phiên tòa xét xử hợp lệ, nhưng vắng mặt không rõ lý do. Xét thấy việc xét xử vắng mặt bị cáo Đặng Thanh T5 không làm xấu đi tình trạng kháng cáo của bị cáo, không ảnh hưởng đến việc xét xử, nên phiên tòa phúc thẩm được tiến hành đúng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh: Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo; lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Từ đó, có đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian Đặng Thanh T làm nhân viên của Công ty Cổ phần D2 thực hiện nhiệm vụ giao hàng hóa ở địa bàn thành phố C và trách nhiệm thu hộ tiền của người nhận hàng nộp tiền về Công ty qua Chi nhánh tại Cà Mau trong vòng 24 giờ. Trong các ngày 13, 14/12/2023, T nhận đơn hàng giao thành công cho 15 khách hàng, thu được số tiền 46.477.659 đồng. T không nộp về Công ty mà có hành vi chiếm đoạt toàn bộ số tiền trên nhằm mục đích tư lợi cá nhân (đánh bạc trực tuyến trên môi trường Internet). Do đó, Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau tuyên xử bị cáo Đặng Thanh T về tội "Tham ô tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo xin giảm án của bị cáo Đặng Thanh T. Thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác trái pháp luật. Bị cáo lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn được giao thu tiền trả góp của khách hàng đã không nộp tiền về Công ty Cổ phần D2 mà chiếm đoạt số tiền 46.477.659 đồng của Công ty trái pháp luật. Bị cáo nhận thức và biết rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật và bị pháp luật xử lý nhưng vì vụ lợi cho bản thân, nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Mặc dù, đại diện bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nhưng án sơ thẩm tuyên xử bị cáo 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Từ đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm án của bị cáo; cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bị cáo phải chịu án phí theo luật định.

[5] Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 351; a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đặng Thanh T. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 218/2024/HS-ST ngày 18 - 12 – 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Xử phạt bị cáo Đặng Thanh T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tham ô tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về án phí phúc thẩm: Bị cáo Đặng Thanh T phải chịu 200.000 đồng (chưa nộp).

3. Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Công an thành phố Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa HS; án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Huỳnh Văn Út